

STRUCTURAL FEATURES OF FASHION TERMINOLOGIES IN ENGLISH

Hoang Thi Hue^a

Le Thi Huong^b

^aThanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism

Email: hoangthihue@dvttdt.edu.vn

^bThanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism

Email: lethihuong@dvttdt.edu.vn

Received: 18/02/2022

Reviewed: 21/3/2022

Revised: 11/5/2022

Accepted: 23/5/2022

Released: 30/5/2022

DOI:

Fashion terminologies are words and phrases denoting concepts, objects, things, phenomena, properties, activities... of the fashion industry. Based on theoretical background and actual surveys, the paper described and analyzed the structural features of fashion terminologies in English in terms of the following aspects: number of terminology elements, terminology formation methods and word classes, origin of terminology elements and structural model. As a result, specific analyses and assessments about the structural features of these terminologies were concluded.

Key words: Structural features; fashion terminologies; English.

1. Giới thiệu

Cùng với xu hướng hội nhập quốc tế ngày một sâu rộng, thời trang không chỉ trở thành một ngành công nghiệp mà còn là một lĩnh vực chuyên môn phát triển mạnh trong giai đoạn hiện nay. Khái niệm về thời trang đã xuất hiện từ lâu và có tầm ảnh hưởng to lớn đến tất cả các mặt của xã hội. Và giống như nhiều lĩnh vực chuyên môn khác, lĩnh vực thời trang cũng chứa đựng những khái niệm và phạm trù riêng biệt. Những khái niệm, phạm trù đó được biểu thị bằng các thuật ngữ. Việc nghiên cứu và tìm hiểu về thuật ngữ thời trang có ý nghĩa thiết thực đối với khoa học và thực tiễn đời sống xã hội.

Trong khuôn khổ của bài viết, khái niệm *thời trang* được áp dụng để nghiên cứu về các thuật ngữ chỉ những phong cách, xu hướng, kiểu dáng phổ biến và hiện đại của trang phục mặc ngoài, giày dép, phụ kiện, trang sức cũng như các thuật ngữ chỉ con người, sự vật, sự kiện, chất liệu và hoạt động liên quan đến thời trang. Căn cứ vào các tiêu chuẩn về thuật ngữ và dựa vào các tính chất đặc thù chuyên môn của ngành thời trang, bài viết đã lựa chọn 1162 thuật ngữ tiếng Anh làm cơ sở ngữ liệu khảo sát. Trong số này có 12/1162 thuật ngữ tiếng

Anh ở dạng viết tắt. Từ đây, chúng tôi sẽ tiến hành miêu tả, nhận xét và đánh giá về đặc điểm cấu tạo của 1150 thuật ngữ tiếng Anh xét trên các phương diện: số lượng thành tố cấu tạo, phương thức cấu tạo, đặc điểm từ loại; nguồn gốc của thành tố cấu tạo và các mô hình cấu tạo.

2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Đặc điểm cấu tạo thuật ngữ là một trong những nội dung thiết yếu trong các công trình nghiên cứu về thuật ngữ khoa học.

Trên thế giới, các vấn đề lý luận về thuật ngữ và phân tích đặc điểm thuật ngữ được bắt đầu từ thập niên 1930s. Trong tác phẩm “Lí luận chung về thuật ngữ” (1931), Wuster, một nhà khoa học người Áo đã phân tích những khía cạnh ngôn ngữ học của công tác nghiên cứu thuật ngữ, đưa ra một số nguyên tắc khi phân tích đặc điểm cấu tạo, đặc điểm định danh thuật ngữ. Đồng thời, trình bày các phương pháp phân tích thuật ngữ có tính khả thi nhất. Đến năm 1990, Sager J.C. xuất bản công trình nghiên cứu đầu tiên có tựa đề “Ứng dụng xử lý thuật ngữ” (Practical Course in Terminology Processing), trong đó ông phân tích đưa ra các phương thức xác định đặc điểm cấu tạo thuật ngữ từ khía cạnh ngôn ngữ học và giao tiếp. Đến năm 2000, Antia B.E., một giáo sư ngôn ngữ của Trường Đại học Western Cape, Nam Phi, trong cuốn sách “Terminology and language planning” (Thuật ngữ và vấn đề kế hoạch hoá ngôn ngữ) đã trình bày hướng nghiên cứu tổng quan khá toàn diện về sự ra đời, phát triển và ứng dụng thuật ngữ tại Châu Phi, trong đó tác giả có sự phân tích sâu về vấn đề xác định đặc điểm cấu tạo thuật ngữ. Từ đó, tác giả đã xây dựng một chiến lược mới trong việc quản lý thuật ngữ và hướng tới việc kế hoạch hoá ngôn ngữ.

Tại Việt Nam, đặc điểm cấu tạo thuật ngữ khoa học đã được bàn luận cụ thể trong nghiên cứu của các nhà Việt ngữ. Có thể kể đến các công trình khoa học nổi bật của các tác giả Lưu Văn Lăng (1968) với “Về vấn đề dùng thuật ngữ khoa học nước ngoài” [4] và Lê Văn Thới (1970) với “Nguyên tắc soạn thảo danh từ chuyên khoa” [7]. Trong các cuốn sách trên, các nhà khoa học đã đề cập, phân tích tương đối đầy đủ và toàn diện về xây dựng, phát triển thuật ngữ khoa học trên một phạm vi rộng lớn, trong đó bao gồm cả vấn đề xác định đặc điểm cấu tạo thuật ngữ. Bên cạnh đó, các luận án tiến sĩ nghiên cứu về đặc điểm cấu tạo thuật ngữ cũng đã góp phần đáng kể vào sự phát triển công tác nghiên cứu thuật ngữ ở nước ta hiện nay. Có thể kể đến một số công trình nổi bật như: “So sánh cách cấu tạo thuật ngữ kinh tế thương mại trong tiếng Nhật và tiếng Việt hiện đại” (Nguyễn Thị Bích Hà, 2000); “So sánh đặc điểm cấu tạo hình thức và ngữ nghĩa của thuật ngữ tài chính - kế toán - ngân hàng tiếng Anh và tiếng Việt” (Nguyễn Thị Tuyết, 2011); “Đặc điểm cấu tạo và ngữ nghĩa thuật ngữ luật sở hữu trí tuệ tiếng Việt” (Mai Thị Loan, 2012); “Đặc điểm cấu tạo hệ thuật ngữ khoa học hình sự tiếng Việt” (Nguyễn Quang Hùng, 2016); “Đặc điểm cấu tạo và ngữ nghĩa của thuật ngữ mỹ thuật tiếng Việt” (Lê Thị Mỹ Hạnh, 2019)... Các tác giả luận án đã tập trung làm rõ đặc điểm cấu tạo của các hệ thuật ngữ chuyên ngành khoa học cụ thể, đồng thời đề xuất các giải pháp chuẩn hoá hệ thuật ngữ tiếng Việt của chuyên ngành đó.

Đánh giá chung các nghiên cứu trong và ngoài nước về đặc điểm cấu tạo thuật ngữ tiếng Anh, các tác giả đều chỉ ra rằng :

(1) Thuật ngữ là danh từ và danh ngữ chiếm số lượng lớn; thuật ngữ là động từ/động ngữ, tính từ/tính ngữ chiếm số lượng rất ít;

(2) Có nhiều thuật ngữ là từ đơn, từ ghép, từ phái sinh và từ viết tắt;

(3) Độ dài thuật ngữ chỉ mức tối đa 04 yếu tố

Về yếu tố cấu tạo thuật ngữ, tiếp thu quan điểm nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước, chúng tôi thống nhất gọi yếu tố cấu tạo thuật ngữ thời trang trong tiếng Anh là *thành tố*. Theo đó, thành tố (cách gọi trong bài viết) là yếu tố cấu tạo nên thuật ngữ. Mỗi thành tố chứa đựng một khái niệm, hoặc một phần khái niệm, hoặc một đặc trưng khái niệm của lĩnh vực thời trang. Mỗi thành tố là một yếu tố có ý nghĩa từ vựng khi tham gia cấu tạo thuật ngữ. Ví dụ, các thành tố: *dress, house, pencil, skirt,...* được kết hợp để tạo thành các thuật ngữ: *house /dress, pencil/skirt,...*

3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Căn cứ vào các tiêu chuẩn về thuật ngữ đã nghiên cứu và dựa vào các tính chất đặc thù chuyên môn của ngành thời trang, chúng tôi lựa chọn 1162 thuật ngữ tiếng Anh làm cơ sở ngữ liệu khảo sát. Nhóm thuật ngữ này được chúng tôi nhận diện và lựa chọn theo các tiêu chuẩn thuật ngữ từ các từ điển, giáo trình chuyên ngành, sách báo, tạp chí thời trang bằng tiếng Anh.

Phân tích các đặc điểm cấu tạo của thuật ngữ thời trang trong tiếng Anh là vấn đề trọng tâm của bài viết. Nghiên cứu này được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của ngôn ngữ học. Để giải quyết các vấn đề đặt ra của bài viết, chúng tôi sử dụng các phương pháp và thủ pháp nghiên cứu sau đây:

(1) *Phương pháp miêu tả* được sử dụng nhằm miêu tả các đặc điểm cấu tạo của thuật ngữ thời trang trong tiếng Anh.

(2) *Thủ pháp thống kê* được sử dụng để hệ thống hóa các số liệu thuật ngữ thời trang tiếng Anh: thống kê từ loại, tính tỉ lệ % các yếu tố tạo thành thuật ngữ, các mô hình cấu tạo thuật ngữ... Các bảng biểu thống kê sẽ tổng hợp các dữ liệu đã khảo sát được, nhằm thể hiện rõ nét hơn các đặc trưng cơ bản của thuật ngữ thời trang tiếng Anh trên phương diện đặc điểm cấu tạo. Những số liệu khảo sát sẽ được phân tích và đánh giá để làm cơ sở cho những kết luận và kiến giải về các kết quả nghiên cứu của bài viết.

Ngoài các phương pháp và thủ pháp như đã nêu trên, bài viết còn sử dụng một số phương pháp khác như mô hình hoá và lập bảng biểu để minh họa cho các kết quả nghiên cứu.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Đặc điểm cấu tạo thuật ngữ thời trang tiếng Anh xét từ số lượng thành tố cấu tạo

4.1.1. Thuật ngữ tiếng Anh là từ đơn

Về khái niệm từ đơn, tác giả Plag I. (2002) định nghĩa: “Từ đơn là từ chỉ có một căn tố... Các từ đơn có thể là danh từ, động từ, tính từ..., và là các hình vị độc lập” [6, tr.4]. Như vậy, trong tiếng Anh, mỗi thuật ngữ có cấu tạo là từ đơn sẽ chỉ bao gồm một hình vị tự do, đồng thời mỗi thuật ngữ cũng chỉ có một thành tố.

Theo khảo sát của chúng tôi, trong số 1150 đơn vị thuật ngữ được khảo sát xuất hiện 143 thuật ngữ cấu tạo 1 thành tố (chiếm 12,43%). Ví dụ: *beret* (mũ nồi), *vedette* (người mẫu chính)...

4.1.2. Thuật ngữ tiếng Anh là từ phái sinh

Dựa trên quy tắc cấu tạo từ, từ phái sinh được tạo ra bởi sự kết hợp giữa một hình vị tự do với một hay nhiều hình vị phụ thuộc. Hay nói rõ hơn, sự kết hợp của một gốc từ với các phụ tố (tiền tố hoặc hậu tố) sẽ tạo ra từ phái sinh. Như vậy, một từ phái sinh sẽ có từ 2 ngữ tố trở lên.

Dựa theo ngữ liệu khảo sát, chúng tôi tìm thấy 39/1150 thuật ngữ tiếng Anh là từ phái sinh. Số lượng thành tố trong các từ phái sinh được mô tả ở bảng sau:

Bảng 1: Số lượng thành tố cấu tạo của thuật ngữ tiếng Anh là từ phái sinh

Số lượng thành tố cấu tạo	Số lượng thuật ngữ là từ phái sinh	Tỉ lệ (%)
2 thành tố	38	3,3
3 thành tố	01	0,08
Tổng	39/1150	

Theo sự mô tả ở bảng 1, chúng tôi khảo sát được 38 thuật ngữ tiếng Anh (3,3%) là từ phái sinh có cấu tạo 2 thành tố. Đây cũng chính là các thuật ngữ được tạo thành bởi một hình vị tự do (gốc từ) kết hợp với một tiền tố hoặc một hậu tố. Ví dụ: *monochrome* (đơn sắc), *backless* (hở lưng), *supermodel* (siêu mẫu),... Trong các thuật ngữ này, mỗi thành tố tương đương với một hình vị, ví dụ: *supermodel* = *super* + *model*, *designer* = *design* + *er*,...

Sự xuất hiện của các thuật ngữ là từ phái sinh có cấu tạo 3 thành tố chiếm tỉ lệ rất ít với 01 thuật ngữ (0,08%), đó là: *monochromatic*. Theo đó, thuật ngữ này sẽ có 3 thành tố, tương đương với 3 hình vị được kết hợp như sau: *monochromatic* = *mono* + *chromate* + *ic*.

4.1.3. Thuật ngữ tiếng Anh là từ ghép

Căn cứ vào đặc điểm cấu tạo từ vựng trong tiếng Anh, mỗi thuật ngữ là từ ghép có hai thành tố trở lên. Với số liệu 1150 thuật ngữ tiếng Anh, chúng tôi khảo sát được 652 thuật ngữ là từ ghép (chiếm 56,11%). Các thuật ngữ là từ ghép này có cấu tạo từ 2 đến 3 thành tố. Số lượng thành tố cụ thể được minh họa trong bảng sau:

Bảng 2: Số lượng thành tố cấu tạo của thuật ngữ tiếng Anh là từ ghép

Số lượng thành tố cấu tạo	Số lượng thuật ngữ là từ ghép	Tỉ lệ (%)
2 thành tố	423	36,78
3 thành tố	229	19,91
Tổng	652/1150	

Dựa vào số liệu mô tả ở bảng 2, chúng tôi nhận thấy: thuật ngữ thời trang tiếng Anh có độ dài tối đa là 3 thành tố. Trong số đó, xuất hiện 423/1150 thuật ngữ có cấu tạo 2 thành tố (chiếm 36,78%), ví dụ: *catwalk* (sàn diễn) = *cat*/*walk*, *dress shirt* (đầm sơ mi) = *dress*/*shirt*,...; có 229/1150 thuật ngữ có cấu tạo 3 thành tố (chiếm 19,91%), ví dụ: *boyfriend jeans* (quần Jean ông suông) = *boy*/*friend*/*jeans*, *black tie dinner* (bữa tiệc thời trang dành cho quý ông) = *black*/*tie*/*dinner*,...

4.1.4. Thuật ngữ tiếng Anh là cụm từ định danh

Dựa theo các định nghĩa về cụm từ, chúng tôi xác định: mỗi thuật ngữ thời trang tiếng Anh là cụm từ định danh sẽ có cấu tạo ít nhất 2 thành tố.

Theo sự khảo sát của chúng tôi, số lượng thuật ngữ tiếng Anh là cụm từ định danh chiếm tỉ lệ tương đối cao (316 thuật ngữ). Số lượng thành tố cấu tạo của các thuật ngữ này được trình bày cụ thể trong bảng sau:

Bảng 3: Số lượng thành tố cấu tạo của thuật ngữ tiếng Anh là cụm từ định danh

Số lượng thành tố cấu tạo	Số lượng thuật ngữ	Tỉ lệ (%)
2 thành tố	74	6,43
3 thành tố	219	19,04
4 thành tố	23	2,0
Tổng	316/1150	

Căn cứ số liệu mô tả ở bảng 3 như trên, có thể nhận thấy, thuật ngữ tiếng Anh có cấu tạo là cụm từ định danh có độ dài tối đa là 4 thành tố. Trong số 316 thuật ngữ là cụm từ định danh có 74/1150 thuật ngữ cấu tạo gồm 2 thành tố (chiếm 6,43%), ví dụ: *belted jacket* (áo khoác thắt đai eo) = belted/jacket, *minimal pleat* (chân váy xếp li) = minimal/pleat...; có 219/1150 thuật ngữ cấu tạo gồm 3 thành tố (chiếm 18,04%), ví dụ: *double breasted coat* (áo choàng hai khuy ngực) = double/breasted/coat, *espadrille wedge sandals* (giày sandal đan đế vải) = espadrille/wedge/sandals... Thuật ngữ là cụm từ có cấu tạo 4 thành tố hiện diện với số lượng không nhiều (23/1150 thuật ngữ, chiếm tỉ lệ 2%), ví dụ: *hidden button down collar* (cổ áo cài khuy giấu) = hidden/button/down/collar; *multicolor maxi dress* (đầm dài đa màu sắc) = multi/color/maxi/dress...

4.2. Đặc điểm cấu tạo thuật ngữ thời trang tiếng Anh xét từ phương thức cấu tạo và đặc điểm từ loại

Trong bài viết này, thuật ngữ thời trang tiếng Anh được xác định thành 2 loại: thuật ngữ có cấu tạo là từ và thuật ngữ có cấu tạo là cụm từ định danh.

Như đã phân tích ở trên, thuật ngữ thời trang tiếng Anh được cấu tạo bằng các phương thức cấu tạo từ tiếng Anh. Do vậy, các thuật ngữ thời trang tiếng Anh sẽ bao gồm các loại từ: từ đơn, từ phái sinh, từ ghép, từ viết tắt và cụm từ. Trong luận án, kết quả khảo sát đặc điểm từ loại chỉ thực hiện đối với 1150 thuật ngữ tiếng Anh, không thực hiện khảo sát đối với 12 thuật ngữ là từ viết tắt. Sau đây, chúng tôi sẽ đưa ra các kết quả phân tích cụ thể.

4.2.1. Thuật ngữ thời trang tiếng Anh là từ đơn

Trong số 1150 thuật ngữ thời trang tiếng Anh, chúng tôi nhận diện được 143 thuật ngữ có cấu tạo là từ đơn. Bảng 4 sẽ trình bày cụ thể về đặc điểm từ loại của thuật ngữ thời trang tiếng Anh là từ đơn.

Bảng 4: Đặc điểm từ loại của thuật ngữ tiếng Anh là từ đơn

Thuật ngữ	Từ loại	Số lượng thuật ngữ	Tỉ lệ (%)
Từ đơn	Danh từ	134	11,65
	Động từ	05	0,43
	Tính từ	04	0,34
Tổng		143/1150	

Trong số 143 thuật ngữ tiếng Anh có cấu tạo là từ đơn, có 134 thuật ngữ là danh từ (11,65%), ví dụ: *agate* (đá mã não), *belt* (thắt lưng) ...; 05 thuật ngữ là tính từ (0,43%), ví dụ: *nude* (màu da, xuyên thấu), *chic* (thanh lịch, hợp thời trang)...; và có 04 thuật ngữ là động từ (0,34%), ví dụ: *match* (kết hợp), *mix* (phối đồ),....

Như vậy, với số liệu khảo sát này, chúng tôi nhận thấy: trong các thuật ngữ thời trang tiếng Anh là từ đơn, danh từ chiếm số lượng nổi trội; trong khi đó, tính từ và động từ chiếm số lượng rất ít.

4.2.2. Thuật ngữ thời trang tiếng Anh là từ ghép

Kết quả khảo sát đặc điểm từ loại của các thuật ngữ tiếng Anh là từ ghép được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 5: Đặc điểm từ loại của thuật ngữ tiếng Anh là từ ghép

Thuật ngữ	Từ loại	Số lượng thuật ngữ	Tỉ lệ (%)
Từ ghép	Danh từ	645	56,08
	Động từ	01	0,08
	Tính từ	06	0,52
Tổng		652/1150	

Trong số 652 thuật ngữ là từ ghép có 645 thuật ngữ là danh từ (56,08%), ví dụ: *catwalk* (sàn diễn), *ankle boots* (giày cao cổ)...; có 06 thuật ngữ là tính từ (0,52%): *handmade* (sản xuất thủ công), *secondhand* (cũ)... và 01 thuật ngữ là động từ: *tie-dye* (tạo ra họa tiết nhuộm màu trên vải), chiếm tỉ lệ 0,08%.

Với các thuật ngữ thời trang tiếng Anh là từ ghép, danh từ vẫn chiếm số lượng nhiều nhất; trong khi đó động từ và tính từ xuất hiện với tỉ lệ không đáng kể.

4.2.3. Thuật ngữ thời trang tiếng Anh là từ phái sinh

Thuật ngữ là từ phái sinh chỉ tồn tại trong tiếng Anh. Số liệu khảo sát đặc điểm từ loại của thuật ngữ thời trang tiếng Anh là từ phái sinh được thể hiện trong bảng 6 như sau:

Bảng 6: Đặc điểm từ loại của thuật ngữ tiếng Anh là từ phái sinh

Thuật ngữ	Từ loại	Số lượng thuật ngữ	Tỉ lệ (%)
Từ phái sinh (thêm tiền tố)	Danh từ	04	0,34
Từ phái sinh (thêm hậu tố)	Danh từ	23	2,0
	Tính từ	11	0,95
Từ phái sinh (thêm cả tiền tố và hậu tố)	Tính từ	01	0,08
Tổng		39/1150	

Số liệu khảo sát tại bảng 6 cho thấy sự có mặt của 04 thuật ngữ là từ phái sinh thêm tiền tố, 34 thuật ngữ là từ phái sinh thêm hậu tố và 01 thuật ngữ là từ phái sinh thêm cả tiền tố và hậu tố.

Thuật ngữ thời trang tiếng Anh là từ phái sinh thêm tiền tố được cấu tạo bằng sự kết hợp giữa một hình vị tự do (gốc từ) và một tiền tố. Tại bảng mô tả 6 xuất hiện 04 từ phái sinh

thêm tiền tố (0,34%), tất cả đều là danh từ, ví dụ: *monochrome* (đơn sắc) = mono + chrome, *multicolor* (đa màu sắc) = multi + color... .

Thuật ngữ thời trang tiếng Anh là từ phái sinh thêm hậu tố được cấu tạo bằng sự kết hợp giữa một hình vị tự do (gốc từ) và một hậu tố. Tại bảng mô tả 6 có sự hiện diện của 34 từ phái sinh thêm hậu tố, trong đó có 23 danh từ (2%), ví dụ: *stylist* (nhà thiết kế) = style + ist, *collection* (bộ sưu tập) = collect + ion..., và 11 tính từ (0,95%), ví dụ: *backless* (hở lưng) = back + less, *classic* (cổ điển) = class + ic....

Thuật ngữ thời trang tiếng Anh là từ phái sinh thêm cả tiền tố và hậu tố được cấu tạo bằng sự kết hợp bằng 01 chính tố kết hợp với 01 tiền tố và 01 hậu tố. Theo đó, trong nghiên cứu này, chúng tôi khảo sát được 01 thuật ngữ tiếng Anh là từ phái sinh (tính từ) thêm cả tiền tố và hậu tố (0,08%), đó là: *monochromatic* = mono + chromate + ic.

Có thể thấy, thuật ngữ thời trang tiếng Anh là từ phái sinh được cấu tạo chủ yếu ở dạng danh từ. Thuật ngữ là tính từ chiếm số lượng không đáng kể; không có thuật ngữ là động từ có mặt trong kết quả khảo sát này.

4.2.4. Thuật ngữ thời trang tiếng Anh là cụm từ định danh

Trong tiếng Anh, cụm từ định danh là sự kết hợp của tổ hợp từ. Cụm từ định danh còn được gọi là từ tổ hoặc ngữ. Trong mỗi cụm từ định danh, có một *thành tố chính* đóng vai trò chủ yếu về mặt ngữ pháp và ngữ nghĩa, đồng thời kèm theo các từ phụ thuộc vào thành tố chính gọi là các *thành tố phụ*. Thành tố chính của cụm từ có thể là danh từ (tạo nên cụm danh từ), tính từ (tạo nên cụm tính từ), động từ (tạo nên cụm động từ). Trong bài viết này, đặc điểm từ loại của thuật ngữ tiếng Anh là cụm từ định danh được xét theo thành tố chính (danh từ/động từ/tính từ) và được miêu tả cụ thể trong bảng sau:

Bảng 7: Đặc điểm từ loại của thuật ngữ tiếng Anh là cụm từ định danh

Thuật ngữ	Từ loại	Số lượng thuật ngữ	Tỉ lệ (%)
Cụm từ định danh	Cụm danh từ	316	27,47
	Cụm động từ	0	0
	Cụm tính từ	0	0
Tổng		316/1150	

Với số liệu khảo sát đạt được, chúng tôi nhận thấy, 316 thuật ngữ tiếng Anh là cụm từ định danh đều xuất hiện ở dạng cụm danh từ, ví dụ: *wide spread collar* (cổ áo rộng), *waist tie dress* (đầm thắt eo)... Không có sự hiện diện của thuật ngữ là cụm động từ và cụm tính từ.

4.3. Đặc điểm cấu tạo thuật ngữ thời trang tiếng Anh xét từ nguồn gốc của yếu tố cấu tạo

Tra cứu từ điển [10 và 11], chúng tôi nhận thấy, các thuật ngữ thời trang có sự vay mượn từ nguồn gốc của tiếng Latin và tiếng Hy Lạp. Bên cạnh đó có sự xuất hiện không đáng kể của một số thuật ngữ có nguồn gốc tiếng Anh cổ.

Gốc từ tiếng Latin: Tiếng Latin là ngôn ngữ thuộc nhóm ngôn ngữ gốc Ý của ngữ hệ Ấn - Âu. Nhiều từ trong các ngôn ngữ hiện đại ngày nay như tiếng Anh đều dựa trên tiếng Latin. Đặc biệt là các từ tiếng Anh có tính học thuật đều bắt nguồn từ tiếng Latin.

Gốc từ tiếng Hy Lạp: Tiếng Hy Lạp không có ảnh hưởng sâu đậm và liên tục như tiếng Latin đối với tiếng Anh. Tuy nhiên, các gốc từ tiếng Hy Lạp cũng đã được vay mượn trong tiếng Anh học thuật để thể hiện những khái niệm khoa học.

Gốc từ tiếng Anh cổ: Vào thế kỷ thứ V, người Anglo – Saxon (bao gồm ba tộc người Đức là Saxon, Angle và Jute) từ Đan Mạch và vùng Tây Bắc nước Đức di cư sang quần đảo Anh. Ba tộc người này đồng nhất sự khác biệt giữa thổ ngữ của họ và sử dụng chung một thứ ngôn ngữ gọi là tiếng Anh cổ (hay tiếng Anglo-Saxon). Tiếng Anh cổ tồn tại trong giai đoạn từ năm 450 - 1100 sau Công nguyên. Sau năm 1100, tiếng Anh cổ bị thay thế bởi tiếng Anh trung đại và tiếng Anh hiện đại. Tuy nhiên, đến nay, chúng ta vẫn tìm thấy một số gốc từ tiếng Anh cổ tồn tại trong tiếng Anh hiện đại.

Nguồn gốc các gốc từ trong các thuật ngữ thời trang tiếng Anh được minh họa trong bảng 8 như sau:

Bảng 8: Nguồn gốc cấu tạo của thuật ngữ thời trang tiếng Anh

	Nguồn gốc	Ví dụ	Số lượng thuật ngữ
1.	Gốc từ tiếng Latin		
	<i>anima</i> : hơi thở, sự sống	<i>animal print</i>	01
	<i>aqua</i> : nước	<i>aquamarine</i>	01
	<i>semi</i> : bán, một nửa	<i>semi-circular skirt</i>	01
	<i>bi</i> : hai	<i>bifold long wallet purse</i>	01
	<i>form</i> : khuôn, hình dạng	<i>Flatform</i>	08
	<i>able</i> : có khả năng, có tính chất	<i>Fashionable</i>	04
	<i>neutr</i> : trung tính	<i>neutral heels</i>	01
2.	Gốc từ tiếng Hy Lạp		
	<i>mono</i> : đơn, một	<i>monochromatic</i>	03
	<i>graph</i> : viết	<i>graphic gown</i>	03
	<i>ism</i> : trường phái, đảng phái	<i>Minimalism</i>	01
	<i>ist</i> : người, nghề nghiệp	<i>Stylist</i>	01
3.	Gốc từ tiếng Anh cổ		
	<i>less</i> : không có, không tồn tại	<i>Sleeveless</i>	10
	<i>min</i> : nhỏ	<i>mini skirt</i>	09
4	Gốc từ tiếng Anh	<i>dress, runway</i>	1106
	Tổng		1150

Như vậy, tiếng Anh hiện đại đang được sử dụng rộng rãi ngày nay đã trải qua một bề dày lịch sử phát triển và là sự kết hợp, giao thoa của nhiều ngôn ngữ khác trên thế giới.

4.4. Đặc điểm cấu tạo thuật ngữ thời trang tiếng Anh xét từ mô hình cấu tạo

Mô hình cấu tạo của thuật ngữ chính là sự kết hợp giữa các thành tố (yếu tố cấu tạo thuật ngữ) để tạo thành thuật ngữ thời trang trong tiếng Anh. Sau đây, chúng tôi sẽ trình bày các mô hình cấu tạo thuật ngữ điển hình trong hai hệ thuật ngữ thời trang tiếng Anh. Các mô hình cấu tạo được sử dụng để miêu tả các thuật ngữ có cấu tạo từ hai thành tố trở lên bao gồm: các thuật ngữ tiếng Anh là từ ghép, từ phái sinh và cụm từ định danh. Những mô hình cấu tạo này có khả năng sản sinh nhiều thuật ngữ mới, góp phần phát triển hệ thuật ngữ thời trang trong cả hai ngôn ngữ.

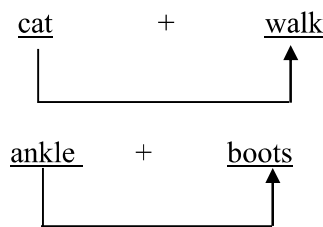
Để tiến hành phân tích các mô hình cấu tạo thuật ngữ, chúng tôi sẽ đặt ký hiệu thành tố cấu tạo thuật ngữ là A. Các thành tố cấu tạo sẽ có các ký hiệu tương ứng lần lượt là A1, A2, A3...An.

4.4.1. Mô hình cấu tạo thuật ngữ thời trang tiếng Anh là từ ghép

Mô hình 1:



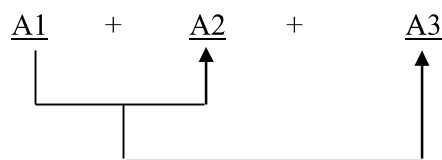
Ví dụ:



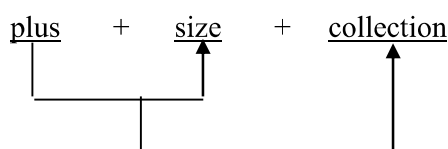
Mô hình 1 miêu tả cấu tạo của thuật ngữ thời trang tiếng Anh là từ ghép. Các thuật ngữ này có cấu tạo gồm 2 thành tố. Thành tố chính (A2) sẽ đứng sau và thành tố phụ (A1) sẽ đứng trước bổ sung ý nghĩa cho thành tố chính. Mô hình này thuộc về các thuật ngữ như: *catwalk* (sàn diễn), *ankle boots* (giày cao cổ),...

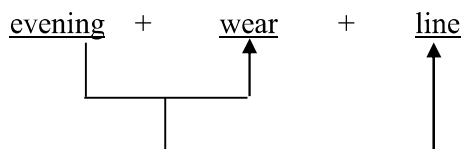
Trong các thuật ngữ này, các thành tố: *walk, boots...* sẽ là thành tố chính, có vai trò chỉ loại; *cat, ankle...* sẽ là thành tố phụ, có chức năng khu biệt về mặt định danh (gọi tên) thuật ngữ và có vai trò miêu tả các đặc điểm mang tính đặc trưng của thành tố chính. Trong số các thuật ngữ thời trang tiếng Anh là từ ghép, chúng tôi khảo sát thấy 423 thuật ngữ được cấu tạo theo mô hình này.

Mô hình 2:



Ví dụ:





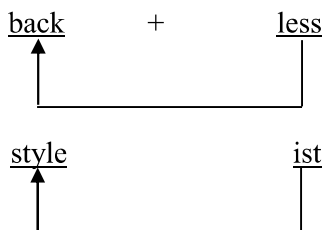
Mô hình 2 miêu tả cấu tạo của thuật ngữ thời trang tiếng Anh là từ ghép. Các thuật ngữ này có cấu tạo gồm 3 thành tố: A1, A2 và A3. Trong đó, A3 là thành tố chính, đứng sau cùng; A1 bổ sung ý nghĩa cho A2, đồng thời A1 kết hợp cùng A2 để làm rõ nghĩa đặc trưng khu biệt của A3. Chúng tôi xác định được 229 thuật ngữ tiếng Anh là từ ghép thuộc về mô hình cấu tạo này, ví dụ: *plus size collection* (bộ sưu tập trang phục ngoại cỡ), *eveningwear line* (dòng trang phục dạ hội),... Như vậy, trong các ví dụ này, “*collection*”, “*line*” sẽ là thành tố chính (A3); “*plus*”, “*evening*” là thành tố A1 có vai trò hỗ trợ cho các thành tố A2 là “*size*”, “*wear*”. Sự kết hợp của “*plus*” và “*size*”, “*evening*” và “*wear*” nhằm miêu tả tính chất đặc trưng rõ nét của “*collection*” và “*line*”.

4.4.2. Mô hình cấu tạo thuật ngữ thời trang tiếng Anh là từ phái sinh

Mô hình 3:



Ví dụ:

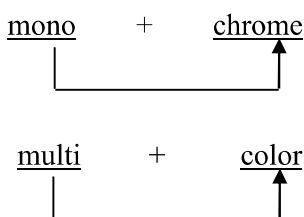


Mô hình 3 miêu tả cấu tạo của thuật ngữ tiếng Anh là từ phái sinh. Mô hình này chỉ xuất hiện trong cấu tạo các thuật ngữ là từ phái sinh thêm hậu tố. Theo đó, các thuật ngữ này có cấu tạo gồm 2 thành tố A1 và A2. Thành tố chính (A1) sẽ đứng trước và thành tố phụ (A2) sẽ đứng sau. Trong số 43 thuật ngữ tiếng Anh là từ phái sinh thêm hậu tố, có 36 thuật ngữ được cấu tạo theo mô hình này, ví dụ: *backless* (hở lưng), *stylist* (nhà tạo mốt),... Theo đó, “*back*”, “*style*” sẽ là các thành tố chính, “*less*”, “*ist*” sẽ là các thành tố phụ.

Mô hình 4:



Ví dụ:

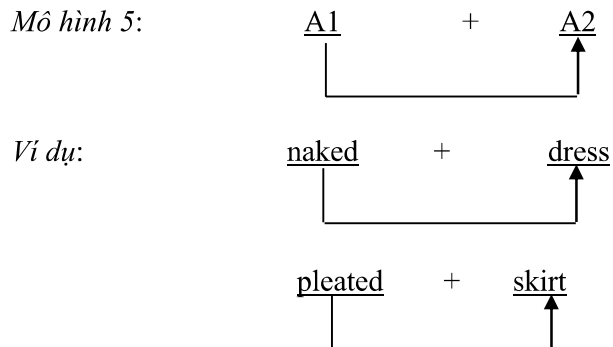


Mô hình 4 miêu tả cấu tạo của các thuật ngữ là từ phái sinh thêm tiền tố. Theo mô hình cấu tạo này, thành tố phụ (A1) sẽ đứng trước và thành tố chính (A2) sẽ đứng sau. Có 04 thuật

ngữ được cấu tạo theo mô hình này, ví dụ: *monochrome* (đơn màu), *multicolor* (đa màu sắc),... Trong đó, “*chrome*” và “*color*” sẽ là các thành tố chính và “*mono*”, “*multi*” sẽ các thành tố phụ.

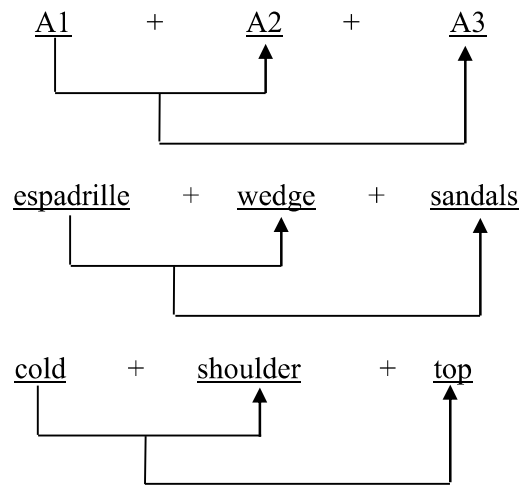
4.4.3. Mô hình cấu tạo thuật ngữ thời trang tiếng Anh là cụm từ định danh

Mô hình 5:



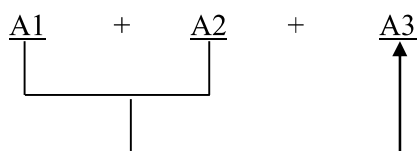
Mô hình 5 miêu tả cấu tạo của các thuật ngữ tiếng Anh là cụm từ định danh. Các thuật ngữ này bao gồm 2 thành tố A1 và A2. Với mô hình này, thành tố phụ (A1) sẽ đứng trước và thành tố chính (A2) sẽ đứng sau. Có 74 thuật ngữ được cấu tạo theo mô hình này, ví dụ: *naked dress* (đầm xuyên thấu), *pleated skirt* (chân váy xếp ly)... Trong đó, “*dress*” và “*skirt*” sẽ là các thành tố chính và “*naked*”, “*pleated*” sẽ các thành tố phụ.

Mô hình 6:

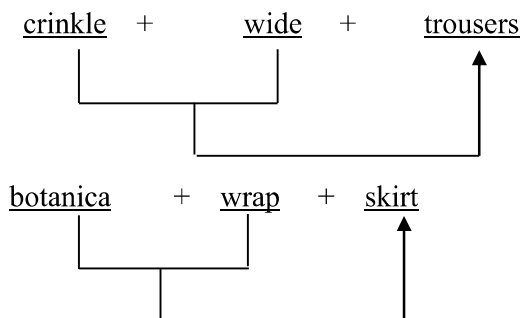


Mô hình 6 miêu tả cấu tạo của các thuật ngữ tiếng Anh là cụm từ định danh. Các thuật ngữ này được cấu tạo bởi 3 thành tố: A1, A2, A3. Trong đó, A3 là thành tố chính, đứng sau cùng; A1 bổ sung ý nghĩa cho A2, đồng thời A1 kết hợp cùng A2 để làm rõ nghĩa đặc trưng khu biệt của A3. Chúng tôi xác định được 127 thuật ngữ thời trang tiếng Anh là cụm từ định danh thuộc về mô hình cấu tạo này, ví dụ: *espadrille wedge sandals* (săng đan đế vải), *cold shoulder top* (áo ngắn hở vai),... Như vậy, trong các ví dụ này, “*sandals*”, “*top*” sẽ là thành tố chính (A3); “*espadrille*”, “*cold*” là thành tố A1 có vai trò hỗ trợ cho các thành tố A2 là “*wedge*”, “*shoulder*”. Sự kết hợp của “*espadrille*” và “*wedge*”, “*cold*” và “*shoulder*” nhằm miêu tả tính chất đặc trưng rõ nét của “*sandals*” và “*top*”.

Mô hình 7:

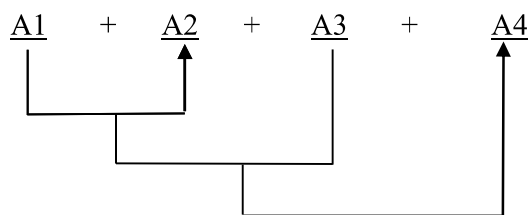


Ví dụ:

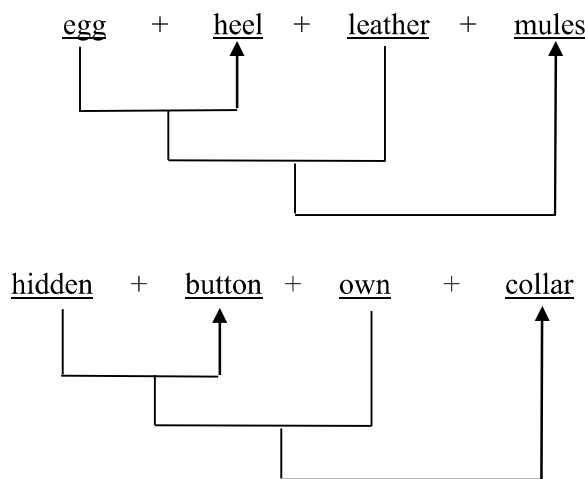


Theo mô hình 7, các thuật ngữ thời trang tiếng Anh là cụm từ sẽ có cấu tạo gồm 3 thành tố: A1, A2 và A3. Trong đó, A3 là thành tố chính, đứng sau cùng; A1 và A2 là hai thành tố có vai trò đẳng lập, không phụ thuộc vào nhau, cùng bổ sung ý nghĩa cho A3. Chúng tôi khảo sát được 89 thuật ngữ tiếng Anh là cụm từ định danh thuộc về mô hình cấu tạo này, ví dụ: *crinkle wide trousers* (quần ống suông xếp ly nhăn), *botanica wrap skirt* (chân váy quây in họa tiết),... Như vậy, trong các ví dụ này, “trousers” và “skirt” sẽ là thành tố chính (A3); “wide” và “wrap” là thành tố A2; “botanica” và “crinkle” là thành tố A1. Các thành tố “wrap”, “wide”, “botanica” và “crinkle” có vai trò miêu tả chi tiết các tính chất đặc trưng của “skirt” và “trousers”.

Mô hình 8:



Ví dụ:



Mô hình 8 miêu tả cấu tạo của các thuật ngữ thời trang tiếng Anh là cụm từ. Các thuật ngữ này bao gồm 4 thành tố: A1, A2, A3 và A4. Theo mô hình này, thành tố chính A4 đứng

sau cùng, thành tố phụ A3 bổ nghĩa cho thành tố chính A4, thành tố A1 phụ trợ cho thành tố A2, đồng thời sự kết hợp của A1 và A2 bổ nghĩa cho thành tố A4. Như vậy, A3 có mối quan hệ đẳng lập với thành tố kết hợp A1 + A2. Nói rõ hơn, thành tố A3 và thành tố kết hợp A1 + A2 cùng bổ sung ý nghĩa đặc trưng cho thành tố chính A4. Mô hình 8 miêu tả của 23 thuật ngữ tiếng Anh là cụm từ, ví dụ: *hidden button down collar* (cổ áo cài khuy giấu), *egg heel leather mules* (giày sục bằng da đế hình quả trứng),... Trong các thuật ngữ này, “*collar*” và “*mules*” là thành tố chính A4; “*down*” và “*leather*” là thành tố phụ A3, bổ nghĩa cho A4; “*hidden*” và “*egg*” là thành tố A1, bổ trợ cho thành tố phụ A2 là “*button*” và “*heel*”; các thành tố kết hợp của A1 + A2 là: “*hidden button*”, “*egg heel*” có mối quan hệ đẳng lập với thành tố A3 “*down*” và “*leather*”. Thành tố A3 và thành tố kết hợp A1 + A2 cùng mang chức năng miêu tả đặc điểm tính chất của thành tố A4.

5. Thảo luận

5.1. Về số lượng thành tố cấu tạo

Căn cứ các cơ sở lý luận khoa học về thuật ngữ, một trong những tiêu chuẩn của thuật ngữ là tính ngắn gọn. Tính ngắn gọn sẽ giúp cho thuật ngữ truyền tải một cách chính xác các thông tin về đối tượng mà thuật ngữ biểu thị. Do đó, những thuật ngữ có cấu tạo dài dòng sẽ làm giảm thiểu độ chính xác về khả năng biểu thị khái niệm thuật ngữ. Ở đây, các thuật ngữ thời trang tiếng Anh có cấu tạo tối đa gồm 04 thành tố. Do vậy, sự ngắn gọn và sự chính xác của thuật ngữ được đảm bảo tương đối. Các thuật ngữ thời trang tiếng Việt có cấu tạo tối đa gồm 05 thành tố, do vậy các thuật ngữ này mang chức năng giải thích chi tiết hóa về đặc điểm, tính chất của đối tượng mà thuật ngữ biểu thị.

5.2. Về phương thức cấu tạo và đặc điểm từ loại

Phương thức ghép từ theo quan hệ chính phụ được hiện diện rõ trong các thuật ngữ thời trang tiếng Anh. Trong đó, các thành tố phụ đứng trước, thành tố chính đứng sau cùng. Thành tố chính có chức năng khái quát hoá khái niệm về đối tượng mà thuật ngữ biểu thị. Các thành tố phụ có vai trò cụ thể hoá các đặc trưng, tính chất và đặc điểm của thành tố chính.

Ngoài phương thức ghép từ như đã nêu trên, trong hệ thuật ngữ thời trang tiếng Anh còn có một số phương thức khác để cấu tạo thuật ngữ, đó là: thêm phụ tố (tiền tố và hậu tố) và viết tắt. Các phương thức này góp phần tạo nên tính ngắn gọn và chính xác cho vốn từ vựng tiếng Anh nói chung và cho các thuật ngữ thời trang tiếng Anh nói riêng.

Từ số liệu khảo sát, chúng tôi nhận thấy: thuật ngữ thời trang tiếng Anh có cấu tạo là từ đơn, từ ghép và cụm từ định danh. Trong đó, số lượng thuật ngữ là danh từ chiếm tỉ lệ cao nhất. Sở dĩ, có hiện tượng này bởi định danh là một trong những chức năng của danh từ. Ngoài ra, trong thuật ngữ thời trang tiếng Anh còn có một số lượng thuật ngữ là từ phái sinh (được cấu thành bằng cách thêm tiền tố hoặc hậu tố) và từ viết tắt.

5.3. Về nguồn gốc của yếu tố cấu tạo

Trong hệ thuật ngữ thời trang tiếng Anh, có một số lượng các thuật ngữ được xác định có nguồn gốc cấu tạo từ các gốc từ Latin, tiếng Hy Lạp. Thời kỳ Phục hưng ở châu Âu (1500 - 1600) bắt nguồn từ Italy và tràn tới Anh qua Pháp, mang theo nguồn từ mới khổng lồ cho ngôn ngữ nơi đây. Những tư tưởng mới, hoặc cái cũ được tái phát hiện trong giai đoạn này

không có đủ từ ngữ để miêu tả trong tiếng Anh. Do đó, tiếng Anh đã mượn thêm từ gốc Latin và tiếng Hy Lạp khiến cho khối từ vựng tiếng Anh tăng lên rất nhiều.

5.4. Về mô hình cấu tạo

Hệ thuật ngữ thời trang tiếng Anh chủ yếu được cấu tạo theo mô hình bao gồm thành tố chính và (các) thành tố phụ. Thành tố chính có chức năng chỉ loại và thành tố phụ có chức năng bổ sung ý nghĩa cho thành tố chính. Mô hình cấu tạo theo quan hệ chính phụ đã tạo ra khả năng sản sinh nhiều thuật ngữ thời trang nhất trong tiếng Anh. Mô hình cấu tạo này luôn đảm bảo tính ngắn gọn và tính hệ thống của thuật ngữ bởi khi một thành tố chính (gắn với khái niệm cơ bản) được hỗ trợ bởi (các) thành tố phụ (gắn với các đặc điểm, các tính chất hay các đặc trưng của đối tượng) sẽ có khả năng phái sinh nhiều thuật ngữ mới.

6. Kết luận

Bài viết đã khảo sát và phân tích đặc điểm cấu tạo thuật ngữ thời trang tiếng Anh trên các phương diện: (1) số lượng thành tố cấu tạo; (2) phương thức cấu tạo và đặc điểm từ loại; (3) nguồn gốc cấu tạo và (4) mô hình cấu tạo. Từ đó, chúng tôi rút ra những nhận xét, đánh giá cụ thể nhất về đặc điểm cấu tạo của các thuật ngữ này.

Về số lượng thành tố cấu tạo: Kết quả khảo sát và phân tích cho thấy, thuật ngữ tiếng Anh có độ dài tối đa gồm 04 thành tố. Đồng thời, các thuật ngữ có cấu tạo 01 thành tố chiếm số lượng vượt trội. Như vậy, người Anh luôn tuân thủ nguyên tắc xây dựng thuật ngữ đảm bảo tính khoa học, ngắn gọn và xúc tích, đảm bảo tính chính xác và tính khoa học theo tiêu chuẩn xây dựng thuật ngữ.

Về phương thức cấu tạo, đặc điểm từ loại: Thuật ngữ thời trang tiếng Anh được hình thành từ phương thức phái sinh (thêm phụ tố), ghép từ và viết tắt. Do vậy, các thuật ngữ thời trang tiếng Anh xuất hiện dưới dạng: từ đơn, từ ghép, từ phái sinh, từ viết tắt và cụm từ định danh. Với các thuật ngữ là từ ghép chính phụ: các thành tố phụ đứng trước, bổ nghĩa cho thành tố chính đứng sau. Sự hiện diện nổi trội rõ rệt về số lượng của các thuật ngữ là danh từ trong các thuật ngữ thời trang tiếng Anh đã chứng minh cho chức năng định danh – chức năng chính của danh từ trong mọi ngôn ngữ.

Về mô hình cấu tạo thuật ngữ: Trong mô hình cấu tạo của các thuật ngữ tiếng Anh, với các thuật ngữ là từ ghép và cụm từ, thành tố chính thường đứng sau cùng, (các) thành tố phụ thường đứng trước thành tố chính. Thành tố chính có vai trò định danh đối tượng, còn (các) thành tố phụ đảm nhiệm chức năng cung cấp thông tin chi tiết (tính chất, đặc trưng cơ bản) về thành tố chính. Các thành tố cấu tạo của các thuật ngữ là từ ghép và cụm từ chủ yếu tồn tại theo mối quan hệ chính phụ. Do vậy, các thuật ngữ này có khả năng sản sinh nhiều nhất.

Tài liệu tham khảo

[1]. Nguyễn Thị Bích Hà (2000), *So sánh cách cấu tạo thuật ngữ kinh tế thương mại trong tiếng Nhật và tiếng Việt hiện đại*, Luận án tiến sĩ Ngữ văn, Trường ĐH KHXHNV-ĐHQG Hà Nội, H.

[2]. Lê Thị Mỹ Hạnh (2019), *Đặc điểm cấu tạo và ngữ nghĩa của thuật ngữ Mỹ thuật tiếng Việt*, Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ học, Học viện KHXH, H.

- [3]. Nguyễn Quang Hùng (2016), *Đặc điểm cấu tạo hệ thuật ngữ khoa học hình sự tiếng Việt*, Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ học, Trường ĐHSP Hà Nội, H.
- [4]. Lưu Văn Lăng (1968), *Vấn đề dùng thuật ngữ khoa học nước ngoài*, NXB KHXH, H.
- [5]. Mai Thị Loan (2012), *Đặc điểm cấu tạo và ngữ nghĩa thuật ngữ luật sở hữu trí tuệ tiếng Việt*, Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ học, Học viện KHXH, H.
- [6]. Plag, I. (2002), *Word-Formation in English*, Cambridge: Cambridge University Press.
- [7]. Lê Văn Thới, Nguyễn Văn Dương (1970), *Nguyên tắc soạn thảo danh từ chuyên khoa*, Trung tâm Học liệu, Sài Gòn
- [8]. Sager, J.C (1990), *Practical Course in Terminology Processing*, John Benjamins Publishing Company
- [9]. Nguyễn Thị Tuyết (2011), *So sánh đặc điểm cấu tạo hình thức và ngữ nghĩa của thuật ngữ tài chính - kế toán - ngân hàng tiếng Anh và tiếng Việt*, Luận án Tiến sĩ, Trường ĐH KHXHNV – ĐHQG TP. HCM.
- [10]. Webster's New word Dictionary (2014), 5th edition, Webster's New World
- [11]. Oxford English Dictionary (2012), 7th edition, Oxford University Press

ĐẶC ĐIỂM CẤU TẠO THUẬT NGỮ THỜI TRANG TRONG TIẾNG ANH

Hoàng Thị Huệ^a

Lê Thị Hương^b

^aTrường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Email: hoangthihue@dvtdt.edu.vn

^bTrường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Email: lethihuong@dvtdt.edu.vn

Ngày nhận bài: 18/02/2022

Ngày phản biện: 21/3/2022

Ngày tác giả sửa: 11/5/2022

Ngày duyệt đăng: 23/5/2022

Ngày phát hành: 30/5/2022

DOI:

Thuật ngữ thời trang là những từ, cụm từ biểu thị các khái niệm, đối tượng, sự vật, hiện tượng, tính chất, hoạt động... của ngành thời trang. Dựa trên các cơ sở lý thuyết và nguồn tư liệu khảo sát thực tế, bài viết miêu tả và phân tích đặc điểm cấu tạo của các thuật ngữ thời trang trong tiếng Anh xét trên các phương diện: số lượng thành tố cấu tạo, phương thức cấu tạo, đặc điểm từ loại; nguồn gốc của thành tố cấu tạo và các mô hình cấu tạo. Từ đó, tác giả rút ra được những nhận xét, đánh giá cụ thể nhất về đặc điểm cấu tạo của các thuật ngữ này.

Từ khóa: Đặc điểm cấu tạo; Thuật ngữ thời trang; Tiếng Anh.